

ĐỀ ÁN

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường

1.1.1. Tên trường

- Tên trường: Trường Đại học Tây Nguyên
- Tên tiếng Anh: Taynguyen University
- Tên giao dịch quốc tế viết tắt: TNU

1.1.2 Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường

- Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.
- Website: <https://www.ttn.edu.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường cho đến thời điểm xây dựng đề án

- Số chuyên ngành đào tạo: 02

TT	Chuyên ngành	Mã ngành
1	Khoa học cây trồng	9620110
2	Lâm sinh	9620205

- Quy mô đào tạo: 10 NCS/năm

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017).

Công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017).

2.2. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Tây Nguyên thực hiện xét tuyển dựa trên hồ sơ dự tuyển của ứng viên: Văn bằng tốt nghiệp đại học, bằng Thạc sĩ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ minh chứng về năng lực ngoại ngữ, thâm niên công tác trong lĩnh vực nghiên cứu, thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu của ít nhất 02 nhà khoa học đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và kết quả đánh giá đề cương nghiên cứu của Tiểu ban chuyên môn.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

TT	Chuyên ngành	Quy mô hiện tại
1	Khoa học cây trồng	20
2	Lâm sinh	

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

2.4.1. Các hướng nghiên cứu và danh sách nhà khoa học tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh

2.4.1.1. Chuyên ngành Khoa học cây trồng

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1.	Giống cây trồng, canh tác cây trồng ngắn ngày: Lương thực, cây công nghiệp, rau...	TS. Trần Văn Thủy, TS. Nguyễn Văn Minh
2.	Kỹ thuật canh tác cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả...	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam, TS. Nguyễn Xuân An, TS. Trần Ngọc Duyên, TS. Nguyễn Văn Minh
3.	Hệ thống canh tác nông nghiệp, kỹ thuật cây trồng	PGS.TS. Trần Trung Dũng, TS. Nguyễn Văn Minh TS. Nguyễn Xuân An TS. Trần Ngọc Duyên
4.	Nông nghiệp bền vững và môi trường	PGS.TS. Trần Trung Dũng, PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng
5.	Sử dụng hợp lý và quản lý tài nguyên thiên nhiên	PGS.TS. Trần Trung Dũng
6.	Sinh lý chống chịu cây trồng, chất sinh trưởng và cây trồng, canh tác nông nghiệp công nghệ cao	TS. Phan Văn Tân, PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng TS. Nguyễn Đình Sỹ
7.	Công nghệ sinh học cây trồng, vi sinh vật nông nghiệp, hóa sinh cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng, PGS.TS. Nguyễn Văn Nam
8.	Biện pháp kỹ thuật quản lý dịch hại cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam
9.	Tính chống chịu sâu bệnh, môi trường của cây trồng, vi sinh vật và cây trồng	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng, PGS.TS. Nguyễn Văn Nam, TS. Phan Văn Tân
10.	Phân bón và cây trồng	TS. Nguyễn Văn Sanh

2.4.1.2. Chuyên ngành Lâm sinh

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
11.	Sử dụng hợp lý và quản lý tài nguyên thiên nhiên	PGS.TS. Trần Trung Dũng PGS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương TS. Võ Hùng TS. Cao Thị Lý
12.	Bảo tồn đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên; vườn quốc gia, Bảo tồn tài nguyên rừng và sinh kế cộng đồng	PGS.TS. Bảo Huy TS. Cao Thị Lý PGS.TS. Trần Trung Dũng
13.	Bảo tồn động vật hoang dã và quản lý xung đột giữa Động vật hoang dã - Người	TS. Cao Thị Lý
14.	Sinh thái rừng nhiệt đới	PGS.TS. Bảo Huy TS. Võ Hùng
15.	Phối hợp dữ liệu viễn thám và GIS trong điều tra rừng, điều tra đa dạng sinh học, sinh thái cảnh quan rừng	PGS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
16.	Lượng hóa tài nguyên rừng dựa vào nguồn đa dữ liệu không gian và phi không gian	PGS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
17.	Sinh thái cảnh quan rừng	PGS.TS. Bảo Huy
18.	Phục hồi rừng nhiệt đới	PGS.TS. Bảo Huy TS. Nguyễn Thanh Tân PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hương
19.	Đặc điểm lâm học và sinh thái học của các loài cây có giá trị bảo tồn cao	PGS.TS. Bảo Huy TS. Cao Thị Lý
20.	Quản lý rừng để giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu	PGS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Trần Trung Dũng TS. Võ Hùng
21.	Dịch vụ sinh thái môi trường rừng Sinh khối và carbon rừng	PGS.TS. Bảo Huy PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
22.	Nông lâm kết hợp trong biến đổi khí hậu Lâm sản ngoài gỗ và sinh kế cộng đồng	TS. Võ Hùng
23.	Kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý tài nguyên rừng	PGS.TS. Bảo Huy TS. Võ Hùng
24.	Sản lượng rừng Cấu trúc, tái sinh, diễn thế rừng nhiệt đới	PGS.TS. Bảo Huy TS. Nguyễn Thanh Tân
25.	Trồng rừng	TS. Nguyễn Văn Hòa

2.4.2. Các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ đang triển khai

TT	Tên đề tài	Cơ quan chủ quản	Cơ quan chủ trì	Thời hạn thực hiện
1.	Xác định cơ cấu cây trồng và kỹ thuật canh tác phù hợp nhằm giảm thiểu thiệt hại do Voi gây ra ở khu vực có xung đột Voi – Người, trong vùng đệm vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2018 - 2019
2.	Nghiên cứu phát triển chế phẩm vi sinh vật vùng rễ kháng tuyến trùng <i>Meloidogyne incognita</i> trên cây hồ tiêu	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2017 - 2018
3.	Phân lập, tuyển chọn và ứng dụng các chủng vi khuẩn vùng rễ trong phòng trừ tuyến trùng và nấm bệnh trên cây cà phê vối (<i>Coffea canephora Pierre</i>) tại Đắk Lắk	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2016 - 2017
4.	Nghiên cứu khả năng nhân giống cây Sâm đá (<i>Curcuma sp</i>) bằng nuôi cấy mô thực vật	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Tây Nguyên	2015 - 2016

2.4.3. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu của nghiên cứu sinh

2.4.3.1. Hội thảo khoa học do Trường tổ chức và đồng tổ chức

TT	Cấp độ hội thảo	Số lần tổ chức hội thảo trong năm
1	Hội thảo liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp cấp tỉnh	01
2	Hội thảo liên quan đến lĩnh vực nông, lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quốc tế	01 lần/ 2 - 5 năm

2.4.3.2. Danh mục tạp chí khoa học do Trường xuất bản

TT	Tên tạp chí	Thể loại xuất bản (in/điện tử/cả in và điện tử)	Năm bắt đầu phát hành	Số kỳ xuất bản/năm	Số điểm tối đa được tính bởi HĐCDGSNN	ISSN
1	Tạp chí khoa học Trường Đại học Tây Nguyên	in	2002	06	0,75	

2.4.3.3. Tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Hàng năm, các nhà khoa học của Trường chủ trì thực hiện trung bình từ 5–10 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và tương đương, thực hiện các hợp tác nghiên cứu, tư vấn quốc tế, 10–20 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trong quá trình học tập tại Trường, nghiên cứu sinh được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn hoặc hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

2.5. Tổ chức tuyển sinh

- Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung
- Số đợt tuyển sinh trong năm: 1 đợt/năm vào khoảng tháng 11 hàng năm
- Thời gian đào tạo: 03 năm (đối với ứng viên đã có bằng thạc sỹ), 04 năm (đối với ứng viên có bằng đại học).

2.6. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Bằng mức lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học phí: Năm học 2017 - 2018, học phí đối với NCS là 20.000.000 đồng/1 năm; mức tăng học phí từng năm không quá 10% so với năm học trước liền kề.

Chính sách khuyến khích học tập: Nghiên cứu sinh có thành tích tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học, hoàn thành luận án trước hoặc đúng hạn được Nhà trường xem xét khen thưởng. Mức chi khen thưởng theo quy chế tài chính nội bộ của Trường.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị

3.1.1.1. Phòng thí nghiệm Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Máy tính phân tích GIS, tin học	25
2.	GPS trạm	01
3.	Máy đo cây Laser RD100	02
4.	Máy giám sát tài nguyên rừng Laser	04
5.	Địa bàn, clinonimter	15
6.	Máy đo không khí đa năng	10
7.	Máy đo cảm ứng hóa tính đất	01
8.	Máy đo pH đất	10
9.	Máy đo đất và hóa chất	01
10.	Bitterlich Đức	9
11.	Thước đo tăng trưởng	20
12.	Lưới mờ giám sát chim MIST NET D70/19 Ecotone Balan	1

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
13.	Bộ thu phát sóng không dây	2
14.	Máy quay phim, chụp ảnh ban đêm để giám sát thú:	2
15.	GPS	15
16.	Máy chiếu	4
17.	Phần mềm GIS, viễn thám có bản quyền: Envi, ArcGIS, eCognition và các phần mềm thống kê thông dụng: SPSS, Stagggraphic	Bộ

3.1.1.2. Phòng thí nghiệm Bảo vệ thực vật

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Ống nhôm hiệu Sterner	1
2.	Tủ sấy	3
3.	Kính lúp 2 mắt điện tử AKRUSS	5
4.	Máy đo độ ẩm không khí, nhiệt độ, tốc độ gió	5
5.	Máy đo độ pH đất, đo độ ẩm đất	5
6.	Máy đo cường độ ánh sáng, nhiệt độ không khí	6
7.	Máy đo chỉ tiêu không khí, thời tiết đa năng	2
8.	Máy đo ánh sáng cầm tay LUTRON	1
9.	Máy sunto đo cao kèm địa bàn	8
10.	Máy định vị vệ tinh GPS	6
11.	Thuốc kẹp điện tử Nhật	10
12.	Cân điện tử	5
13.	Cân kỹ thuật	7
14.	Ấm kế	2
15.	Ấm kế + nhiệt kế	3
16.	Nhiệt kế đất	10
17.	Vũ lượng ký chao lật	4
18.	Bộ bốc hơi	2
19.	Khí áp ký	1
20.	Máy bơm khí	1
21.	Khí áp	1
22.	Ấm kế tự ghi	2

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
23.	Nhật quang ký	1
24.	Máy quang phổ	1
25.	Kính hiển vi 1 mắt	5
26.	Micropipete thay đổi thể tích	3
27.	Máy ủ nhiệt lạnh	1
28.	Máy đếm khuẩn lạc	1
29.	Máy đo pH cầm tay	1
30.	Máy chụp ảnh cho kính hiển vi soi nổi	1
31.	Bếp gia nhiệt	1
32.	Máy cất nước 1 lần	1
33.	Máy li tâm	1
34.	Máy li tâm lạnh	1
35.	Máy lắc vòng	1
36.	Thiết bị nhân gel	1
37.	Nồi hấp tiệt trùng đứng	1
38.	Nồi hấp đứng HUXLEY	1
39.	Tủ định ôn	1
40.	Buồng điện di ngang loại lớn	1
41.	Bộ nguồn điện di	1
42.	Hệ thống đo dữ liệu điện di	1
43.	Kính hiển vi 2 mắt	2
44.	Kính hiển vi soi nổi	1
45.	Kính hiển vi cùng hệ thống camera	1

3.1.1.3. Phòng thí nghiệm Sinh học thực vật

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Máy Quang phổ UV-Vis OPTIMA	1
2.	Máy lắc, Stuart	3
3.	PH kế, InoLab	3
4.	Cân điện tử, Ohaus	3
5.	Bếp điều nhiệt, BS 50	1

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
6.	Máy cất nước 2lần, Aquarton	2
7.	Autoclave, HL-341	2
8.	Tủ sấy, Sanyo	3
9.	Tủ ẩm	2
10.	Tủ lạnh, Sharp	3
11.	Tủ lạnh sâu, Sanyo	1
12.	Kính hiển vi, Olympus	20
13.	Máy hút ẩm, electrolux	3
14.	Máy đo CO2 hồng ngoại	1
15.	Nồi cách thủy	3
16.	Box cấy vô trùng, MS 1234	2
17.	Máy đo thủy phân, Sanyo	2
18.	Máy khuấy vạn năng	1
19.	Máy hút chân không, No. 22AN.18	1
20.	Máy quang phổ	1
21.	Quang kế ngọn lửa	1
22.	Lò nung, Carbolite	1
23.	Máy Kjeldahl	2
24.	PH kế	3
25.	Máy li tâm, EBA 12	2
26.	PCR, Pharmacia	1
27.	PCR, AB	1
28.	Li tâm lạnh, Eppendof	1
29.	Kính hiển vi chụp hình, Olympus	1
30.	Kính lúp soi nổi chụp hình, Olympus	1
31.	Bộ điện di	2
32.	Bộ UV soi gel	1
33.	Bộ điện di protein đứng	01
34.	Đèn soi UV	01
35.	Kính hiển vi huỳnh quang	01

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
36.	Cô quay chân không	01
37.	Máy đo diệt lục	01

3.1.1.4. Phòng thí nghiệm Phân tích, Viện công nghệ sinh học và môi trường

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Sắc ký lỏng khối phổ LC/MS, Thermo Scientific	1
2.	Sắc ký khí khối phổ GC/MS, Thermo Scientific	1
3.	Quang phổ UV/VIS + PC + phần mềm, Jasco	1
4.	Quang phổ hấp phụ nguyên tử (AAS), Shimadzu	1
5.	Hệ thống sắc ký cột, Spectrum	1
6.	Điện di ngang, BioRad	1
7.	Bộ nguồn điện di, Biorad	1
8.	Cân phân tích, Ohaus	1
9.	Cân kỹ thuật, Ohaus	2
10.	Máy phân tích khí + Kits	1
11.	Điện di SDS Page, Ohaus	1
12.	Máy cô quay chân không, IKA	2
13.	Ly tâm lạnh 16,000 rpm	1
14.	Máy cất nước 1 lần, Aquatron	1
15.	Máy cất nước 2 lần, Aquatron	1
16.	Tủ sấy đối lưu	2
17.	Máy phân tích sinh hóa	1
18.	Máy phân tích xơ	1
19.	Máy nghiền mẫu phân tích	1
20.	Đồng hóa mẫu siêu âm	1
21.	Lux meter	1
22.	Máy rửa dụng cụ tự động, Miesle	1
23.	Máy đọc ELISA	1
24.	Máy rửa ELISA	1
25.	Máy nghiền cứu Quang hợp, hô hấp thực vật, đất, PPsystem	1
26.	Sắc ký lỏng khối phổ LC/MS, Thermo Scientific	1

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
27.	Sắc ký khí khối phổ GC/MS, Thermo Scientific	1
28.	Quang phổ UV/VIS + PC + phần mềm, Jasco	1
29.	Quang phổ hấp phụ nguyên tử (AAS), Shimadzu	1
30.	Hệ thống sắc ký cột, Spectrum	1
31.	Điện di ngang, BioRad	1
32.	Bộ nguồn điện di, Biorad	1
33.	Cân phân tích, Ohaus	1
34.	Cân kỹ thuật, Ohaus	2
35.	Máy phân tích khí + Kits	1
36.	Điện di SDS Page, Ohaus	1
37.	Máy cô quay chân không, IKA	2
38.	Ly tâm lạnh 16.000 rpm	1
39.	Máy cất nước 1 lần, Aquatron	1
40.	Máy cất nước 2 lần, Aquatron	1
41.	Tủ sấy đối lưu	2
42.	Máy phân tích sinh hóa	1
43.	Máy phân tích xơ	1
44.	Máy nghiền mẫu phân tích	1
45.	Đồng hóa mẫu siêu âm	1
46.	Lux meter	1
47.	Máy rửa dụng cụ tự động, Miesle	1
48.	Máy đọc ELISA	1
49.	Máy rửa ELISA	1
50.	Máy nghiền cứu Quang hợp, hô hấp thực vật, đất, PPsystem	1

3.1.1.5. Phòng thí nghiệm Sinh học Phân tử, Viện công nghệ sinh học và môi trường

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Cân phân tích, Haus	1
2.	Tủ sấy, Memmert	1
3.	Nồi hấp vô trùng, Sturdy	1
4.	PCR system, C100 BioRad	1

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
5.	pH meter	1
6.	Tủ lạnh sâu (-30oC), Sanyo	1
7.	Máy phân tích ADN/protein, Biorad	1
8.	Tủ lạnh thường	2
9.	Máy ly tâm lạnh tốc độ cao, Hettich	1
10.	Pipettors, BioRad	5
11.	RT-PCR, BioRad	1
12.	Điện di mini, BioRad	1
13.	Bộ nguồn điện di, BioRad	1
14.	Tủ thao tác PCR,	1
15.	Tủ cấy an toàn sinh học Class II, Daiki	1
16.	Hệ thống chụp ảnh Gel tự động, BioRad	1
17.	Máy ủ nhiệt	1
18.	Hệ thống tinh lọc nước	1

3.1.1.6. Phòng thí nghiệm Sinh học Phân tử, Viện công nghệ sinh học và môi trường

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Máy định danh vi sinh tự động + KITS	1
2.	Hệ thống lên men tự động	1
3.	Máy làm sạch không khí	1
4.	Ly tâm dung tích lớn (6000 rpm, volume 100ml)	1
5.	Tủ sấy chân không	1
6.	Máy ly tâm lạnh	1
7.	Burette kỹ thuật số	5
8.	Bình hút ẩm chân không	5
9.	Lò vi sóng	2
10.	Bếp gia nhiệt	3
11.	Máy đông khô	1
12.	Máy khuấy từ kỹ thuật số	2
13.	Máy lắc ổn nhiệt	2
14.	Tủ cấy an toàn sinh học cấp II	2

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
15.	Tủ cây an toàn sinh học	2
16.	Thiết bị làm sạch không khí	2
17.	Tủ âm	2
18.	Tủ âm CO2	1
19.	Kính hiển vi đảo pha + nối máy tính	1
20.	Tủ sấy đối lưu không khí	2
21.	Cân phân tích,	1
22.	Cân kỹ thuật	1
23.	Nồi hấp vô trùng	1
24.	Máy cất nước 2 lần	1
25.	Máy lắc ổn nhiệt	2
26.	Máy lắc vòng	2
27.	Tủ lạnh	2
28.	pH meter	1
29.	Máy đếm khuẩn lạc	1
30.	Thiết bị định danh vi sinh tự động	1
31.	Hệ thống lên men (14 liter)	1
32.	Tủ lạnh sâu (-30oC)	1
33.	Micropipettes	2
34.	Ly tâm lạnh	1
35.	Máy rửa dụng cụ	1
36.	Hệ thống lọc không khí	1
37.	Kính hiển vi + Camera	6

3.1.1.7. Phòng thí nghiệm nghiên cứu các hợp chất tự nhiên, Viện công nghệ sinh học và môi trường

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Máy nghiền mẫu ướt	01
2.	Máy đông khô	01
3.	Lò vi sóng	01
4.	Hệ thống quang phổ hấp phụ nguyên tử (AAS), Shimazu, A7000	01

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
5.	Máy đồng nhất mẫu	01
6.	Hệ thống sắc ký cột	01
7.	Tủ lạnh, Samsung	02
8.	Hệ thống phòng sạch	01
9.	Tủ sấy chân không	01

3.1.1.8. Phòng thí nghiệm nghiên cứu di truyền & công nghệ tế bào thực vật, Viện công nghệ sinh học và môi trường

TT	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Thiết bị cô quay chân không	1
2.	Máy lắc đa chiều	2
3.	Tủ cấy vô trùng	1
4.	Bioreactor nuôi cấy tế bào thực vật + Thiết bị phụ trợ	1
5.	Hệ thống ELISA (Reader & Washer)	1
6.	Máy ly tâm dung tích lớn thu sinh khối	1
7.	Máy phân phối môi trường	2
8.	Máy hút môi trường	1
9.	Pipette đa kênh điện tử	1
10.	Hệ thống đèn sáng (đèn, lux meter, timer, âm kế)	6
11.	Thiết bị biến nạp bằng sốc nhiệt	1
12.	Máy quang phổ UV-Vis	1
13.	Buồng sinh trưởng	1
14.	Thiết bị chuyển gene bằng xung điện	01
15.	Máy nhân gene PCR (Thermocycler)	01

3.1.2. Phòng học, phòng bảo vệ luận văn, luận án (Nội dung này để Phòng SDH làm việc với Phòng ĐT Đại học)

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ (Ví dụ)	3
3	Phòng học 50 - 100 chỗ	50
4	Phòng học dưới 50 chỗ	10
5	Phòng bảo vệ luận văn, luận án	10

3.1.3. Học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

3.1.3.1. Tài liệu truyền thống (dạng in)

Nhóm ngành	Số lượng
Nhóm ngành II	200

3.1.4.2. Báo, tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học

- Báo, tạp chí tiếng Việt (số lượng) loại: 106
- Báo, tạp chí tiếng nước ngoài (số lượng) loại: 34
- Đề tài nghiên cứu khoa học (số lượng) cuốn: 30

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn NCS theo các ngành/chuyên ngành

3.2.1. Khoa học cây trồng

TT	Họ và Tên	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1.	Nguyễn Xuân An			X		Trồng trọt
2.	Nguyễn Anh Dũng	X		X		Sinh học
3.	Trần Trung Dũng	X		X		Thổ nhưỡng
4.	Trần Ngọc Duyên			X		Khoa học cây trồng
5.	Nguyễn Văn Nam	X		X		Bảo vệ Thực vật
6.	Nguyễn Văn Minh			X		Khoa học cây trồng
7.	Phan Văn Tân			X		Sinh lý Thực vật
8.	Trần Văn Thủy			X		Chọn giống
9.	Nguyễn Văn Sanh			X		Trồng trọt
10.	Nguyễn Đình Sỹ			X		

3.2.2. Lâm sinh

TT	Họ và Tên	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1.	Trần Trung Dũng	X		X		Thổ nhưỡng
2.	Bảo Huy	X		X		Lâm học
3.	Võ Hùng			X		Lâm học
4.	Cao Thị Lý			X		Lâm học
5.	Nguyễn Thị Thanh Hương	X		X		Khoa học rừng và Cảnh quan
6.	Nguyễn Thanh Tân			X		Điều tra rừng
7.	Nguyễn Văn Hòa			X		Trồng rừng

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

TT	Tên cơ sở đào tạo, nghiên cứu đã ký các thỏa thuận hợp tác - Họ và tên giảng viên (Nhóm ngành III)	Chức danh KH	Học vị	Quốc tịch	Cơ quan công tác
1.	Đại học Bang Oregon (OSU) Temesgen Hailemariam	GS	TS	Hoa Kỳ	Bộ môn Công nghệ và quản lý tài nguyên rừng FERM, Khoa Lâm Nghiệp
2.	Trường Đại học Wisconsin-Madison Volker Radeloff	GS.	TS.	Hoa Kỳ	Bộ môn Rừng và Sinh thái hoang dã
3.	Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc Ro-Dong Park	GS.	TS.	Hàn Quốc	Khoa Nông nghiệp & KH sự sống
4.	Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc Kill Yong Kim	GS.	TS.	Hàn Quốc	Khoa Nông nghiệp & KH sự sống
5.	Đại học Quốc gia Chonnam, Hàn Quốc Woo Jin Jung	PGS.	TS.	Hàn Quốc	Khoa Nông nghiệp & KH sự sống
6.	Đại học Niigata, Nhật Bản Takeshi Watanabe	GS	TS	Nhật Bản	Khoa Nông nghiệp
7.	Đại học Niigata, Nhật Bản Kazuki Suzuki	GS	TS	Nhật Bản	Khoa Nông nghiệp

3.4. Kiểm định chất lượng

Hiện nay, Trường Đại học Tây Nguyên đang trong quá trình hoàn thành Báo cáo tự đánh giá theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và dự kiến hoàn thành đánh giá ngoài vào năm 2018.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ, trong những năm gần đây, Trường Đại học Tây Nguyên đã chủ động hợp tác với các trường đại học nước ngoài thuộc các quốc gia và vùng lãnh thổ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, ... trong việc đào tạo cán bộ, sinh viên, tổ chức hội thảo khoa học, trao đổi học thuật. Trường đã ký hợp đồng với nhiều giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh cùng với giảng viên của Trường; đã và sẽ tiếp tục cử giảng viên của Trường sang các Trường đối tác ở nước ngoài để trao đổi kinh nghiệm về xây dựng, tổ chức quản lý đào tạo sau đại học, trao đổi kiến thức chuyên môn, trau dồi kỹ năng ngoại ngữ,...

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(ĐÃ KÝ)

PGS. TS. Trần Trung Dũng